

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ DNA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 05/2023/CV-CBTT

Hà Nam, ngày 07 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Đầu tư DNA**

- Mã chứng khoán: **KSD**

- Địa chỉ: Đường Lê Châu – KCN Châu Sơn – Thành phố Phủ Lý – Hà Nam

- Điện thoại liên hệ: 0226.384.8888 – 0226.384.0408 Fax: 226.385.0869

- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phạm Thị Xuân Hương

- Địa chỉ: Đường Lê Châu – KCN Châu Sơn – Thành phố Phủ Lý – Hà Nam

- Điện thoại: 0226.384.8888 – 0226.384.0408 Fax: 226.385.0869

- Loại thông tin công bố:

24h

72h

bất thường

theo yêu cầu

định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.

3. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ nội dung công bố thông tin và  
<http://www.hangermetal.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm:*

- Báo cáo tài chính kiểm toán;

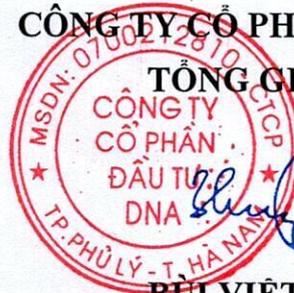
**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**BÙI VIỆT VƯƠNG**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	[2] - [4]
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	[5] - [6]
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	[10]
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	[11] - [32]

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư DNA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư DNA là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700212810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29 tháng 09 năm 2009 và được đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 25 tháng 02 năm 2015.

### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Fu Jianmu	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 17/05/2022)
- Bà Đàm Thị Ái Len	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 17/05/2022)
- Ông Bùi Việt Vương	Phó chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 17/05/2022)
- Ông Hoàng Tùng	Thành viên
- Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Việt Vương	Tổng Giám đốc
- Bà Phạm Thị Xuân Hương	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Loan	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26/04/2022)
- Bà Nguyễn Thị Hằng Hải	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 20/04/2022)
- Bà Đới Thị Diệp	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/04/2022)
- Bà Đỗ Thị Thanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/04/2022)
- Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/04/2022)

### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại đường Lê Chân, Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2022 đính kèm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### **5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### **6. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### **7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

#### **8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 06 tháng 03 năm 2023

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Bùi Việt Vương**

Số: 07/2023/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
của Công ty Cổ phần Đầu tư DNA

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư DNA**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư DNA được lập ngày 06 tháng 03 năm 2023, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư DNA chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày

báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư DNA tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh. Kiểm toán viên của đơn vị kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Dương Thị Thảo**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0162-2023-242-1

**Nguyễn Thị Thủy**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 4057-2019-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>60.086.875.454</b>	<b>53.679.832.612</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>10.149.734.901</b>	<b>2.261.300.250</b>
1. Tiền	111	5.1	5.647.269.148	2.261.300.250
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.502.465.753	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.604.689.416</b>	<b>42.682.631.453</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	33.298.972.151	41.129.506.961
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	9.186.317.265	1.428.013.703
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	119.400.000	186.001.449
4. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.8	-	(60.890.660)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>7.163.615.268</b>	<b>5.805.490.641</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.163.615.268	5.815.365.479
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(9.874.838)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>168.835.869</b>	<b>2.930.410.268</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	57.950.996	289.513.992
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		110.884.873	2.640.896.276
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>72.408.241.937</b>	<b>78.617.465.300</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.002.700.000</b>	<b>18.002.700.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	9.002.700.000	18.002.700.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53.561.743.767</b>	<b>53.476.695.301</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	53.561.743.767	53.476.695.301
- Nguyên giá	222		106.464.368.723	100.770.459.680
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.902.624.956)	(47.293.764.379)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.813.916.116</b>	<b>3.080.090.407</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	5.813.916.116	3.080.090.407
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.029.882.054</b>	<b>4.057.979.592</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	4.029.882.054	4.057.979.592
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>132.495.117.391</b>	<b>132.297.297.912</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Mẫu số B 01a – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.719.520.611</b>	<b>11.676.890.093</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.719.520.611</b>	<b>11.676.890.093</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	1.421.625.132	6.253.027.262
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	-	43.205.884
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	100.178.742	2.801.444.546
4. Phải trả người lao động	314		681.651.089	448.326.213
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	2.866.676.367	2.082.566.998
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	65.736.386	48.319.190
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	6.583.652.895	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.16</b>	<b>120.775.596.780</b>	<b>120.620.407.819</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>120.775.596.780</b>	<b>120.620.407.819</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		100.000.000	100.000.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		675.596.780	520.407.819
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		520.407.819	(18.653.430.010)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		155.188.961	19.173.837.829
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>132.495.117.391</b>	<b>132.297.297.912</b>

Hà Nam, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Mạnh Khuê

Nguyễn Hồng Tuân

Bùi Việt Vương

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số B 02a – DN

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	102.955.130.039	68.826.576.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		102.955.130.039	68.826.576.091
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	95.595.354.208	61.343.643.826
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.359.775.831	7.482.932.265
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	182.481.356	21.713.514.892
7. Chi phí tài chính	22	6.4	259.606.897	350.803.928
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		252.639.006	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	2.992.030.937	3.371.952.241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	4.047.387.612	3.684.238.320
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		243.231.741	21.789.452.668
11. Thu nhập khác	31	6.5	112.288.074	70.136.320
12. Chi phí khác	32	6.6	103.080.652	20.927.515
13. Lợi nhuận khác	40		9.207.422	49.208.805
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		252.439.163	21.838.661.473
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	97.250.202	2.664.823.644
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		155.188.961	19.173.837.829
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.10	12,93	1.597,82
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.10	12,93	1.597,82

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc

Nguyễn Mạnh Khuê

Nguyễn Hồng Tuấn



Bùi Việt Vương

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

Mẫu số B 03a – DN

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		124.524.121.483	62.894.701.296
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(109.836.331.431)	(63.679.964.916)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.617.225.558)	(5.461.411.346)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(252.639.006)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.573.443.461)	(257.299.010)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.044.632.846	552.643.935
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.219.213.473)	(744.672.568)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>		<b>11.069.901.400</b>	<b>(6.696.002.609)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.377.171.116)	(5.518.965.686)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		390.909.091	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.539.089	64.068.317
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.954.722.936)</b>	<b>(5.454.897.369)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		35.094.709.473	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(29.547.273.989)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>5.547.435.484</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>7.662.613.948</b>	<b>(12.150.899.978)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.261.300.250</b>	<b>14.416.975.943</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61		225.820.703	(4.775.715)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>10.149.734.901</b>	<b>2.261.300.250</b>

Hà Nam, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Mạnh Khuê

Nguyễn Hồng Tuấn

Bùi Việt Vương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09a-DN

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư DNA là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0700212810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29 tháng 09 năm 2009 và được đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 25 tháng 02 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất mắc áo, mắc quần xuất khẩu.

**Ngành nghề kinh doanh như sau:**

- Sản xuất đồ điện dân dụng: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt;
- Nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, trồng cây ăn quả;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và các vật liệu tết bện;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình: nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt, điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất các mặt hàng: Điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Xuất nhập khẩu hàng: điện lạnh, điện tử, điện cơ, điện máy, thiết bị, vật tư, đồ dùng gia đình khác, các sản phẩm từ khai thác, chế biến khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty;
- Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Sản xuất các mặt hàng: cơ khí, kim khí, sơn tĩnh điện, mạ kim loại;
- Sản xuất và gia công các loại mắc treo quần áo bằng kim loại "METAL HANGER";
- Sản xuất xốp cách nhiệt, xốp bao bì;
- Sản xuất chế biến các loại gỗ tự nhiên và công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Cho thuê nhà xưởng để làm văn phòng và xưởng sản xuất;
- Cho thuê kho bãi, thiết bị;
- Mua bán ô tô, xe máy, xe đạp;
- Mua bán vải, hàng sành sứ, vật tư ngành cơ khí;
- Hoạt động mua bán: rượu, bia, bánh kẹo;
- Mua bán gỗ chế biến, than đá, quặng, phế liệu; xuất nhập khẩu khoáng sản, sắt thép;
- Xuất nhập khẩu, mua bán máy, thiết bị và vật tư, phụ tùng máy công, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu và mua bán các sản phẩm kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, gia công túi nilon và bao bì xuất khẩu;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09a-DN

- Mua, bán, xuất nhập khẩu xe máy, xe có động cơ và phụ tùng các loại;
- Mua, bán, xuất nhập khẩu ô tô và phụ tùng ô tô các loại.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

## 2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

## 3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Tổng số lao động của công ty tại ngày 31/12/2022: 54 lao động.

## 4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

### 4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

### 4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09a-DN

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### 4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải	04 - 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05-10 năm

#### 4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09a-DN

**4.7. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.8. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trong trường hợp đã cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng mà giao dịch cung cấp sản phẩm, dịch vụ đó liên quan đến nhiều năm tài chính và khách hàng hiện tại thanh toán cho một phần hoặc toàn bộ sản phẩm, dịch vụ đã được cung cấp liên quan đến nhiều năm tài chính đó.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ căn cứ theo nguyên tắc phù hợp với doanh của từng năm tài chính.

**4.9. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**4.10. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.11. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chi phí tài chính khác phát sinh trong năm. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.12. Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 0%, 8% và 10%.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B09a-DN**

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác:** theo quy định của pháp luật hiện hành tại Việt Nam.

**4.13. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.14. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.15. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.5.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Tiền mặt	492.496.780	2.242.621.278
Tiền gửi ngân hàng	5.154.772.368	18.678.972
Các khoản tương đương tiền (*)	4.502.465.753	-
<b>Cộng</b>	<b>10.149.734.901</b>	<b>2.261.300.250</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Phương Đông và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 6%/năm.

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>33.298.972.151</b>	<b>41.129.506.961</b>
- Ông Nguyễn Đức Nhuận (*)	11.000.000.000	12.000.000.000
- Công ty cổ phần Quốc tế GSL	3.759.466.882	1.964.815.715
- Công ty TNHH JY Plasteel Vina	1.362.512.859	2.689.370.688
- Equipment trading Co.,Ltd	6.819.098.007	7.830.626.903
- Trung Hong Development Multidisciplinary Group .,Ltd	8.575.156.901	15.916.348.627
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.782.737.502	728.345.028
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>9.002.700.000</b>	<b>18.002.700.000</b>
- Ông Nguyễn Đức Nhuận (*)	9.002.700.000	18.002.700.000
<b>Cộng</b>	<b>42.301.672.151</b>	<b>59.132.206.961</b>
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

(\*) Phải thu ông Nguyễn Đức Nhuận theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCN-HP ngày 21 tháng 12 năm 2021. Khoản công nợ được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 824538 cấp ngày 14/04/2016, số CO386715 cấp ngày 04/07/2018 và số CE430781 cấp ngày 25/11/2016 theo Biên bản thỏa thuận và bàn giao tài sản số 01.2022/BBB ngày 21/12/2021 và số 02.2022 ngày 21/12/2021.

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>9.186.317.265</b>	<b>1.428.013.703</b>
- Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất và Xây dựng Thương mại Ngọc Tân	-	1.295.000.000
- Công ty TNHH mua bán thiết bị PCCC Tuấn Minh	60.000.000	60.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Việt Mỹ 68	2.800.000.000	-
- Công ty TNHH Thép Đức Cảnh	3.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xuất khẩu Nhật Linh	3.000.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	326.317.265	73.013.703
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

**5.4 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>119.400.000</b>	-	<b>186.001.449</b>	-
- Phải thu khác	119.400.000	-	185.890.660	-
- Phải trả, phải nộp khác(dư Nợ)	-	-	110.789	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**5.5 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	6.166.747.320	-	5.293.639.521	-
Thành phẩm nhập kho	420.864.672	-	309.698.538	9.874.838
Hàng hóa	576.003.275	-	212.027.420	-
<b>Cộng</b>	<b>7.163.615.268</b>	-	<b>5.815.365.479</b>	<b>9.874.838</b>

**5.6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>57.950.996</b>	<b>289.513.992</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	57.950.996	289.513.992
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.029.882.054</b>	<b>4.057.979.592</b>
- Chi phí san nền (*)	2.323.433.304	2.387.566.615
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	345.404.040	37.968.290
- Chi phí sửa chữa tài sản	641.838.978	1.385.874.514
- Chi phí trả trước khác	719.205.732	246.570.173
<b>Cộng</b>	<b>4.087.833.050</b>	<b>4.347.493.584</b>

(\*) là chi phí san nền để chuẩn bị mặt bằng xây dựng nhà xưởng của Công ty trên đất thuê của Nhà nước (đại diện là Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam). Thời gian phân bổ tương ứng với thời gian thuê đất.

**5.7 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

- Mua sắm máy móc thiết bị

**Cộng**

	31/12/2022	01/01/2022
	5.813.916.116	3.080.090.407
<b>Cộng</b>	<b>5.813.916.116</b>	<b>3.080.090.407</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B 09a - DN****5.8 . NỢ XẤU**

Đơn vị : VND

	31/12/2022	01/01/2022
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
Dự phòng	Dự phòng	Dự phòng
Các khoản phải thu ngắn hạn		
Ông Lý Trung Chi	-	-
Cộng	60.890.660	60.890.660
	60.890.660	(60.890.660)
	60.890.660	(60.890.660)

**5.9 . TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	60.480.751.000	19.324.882.461	20.923.917.128	40.909.091	-	100.770.459.680
Tăng trong năm	3.277.455.000	3.080.090.407	-	-	-	6.357.545.407
- Mua trong năm	3.277.455.000	3.080.090.407	-	-	-	6.357.545.407
Giảm trong năm	-	-	663.636.364	-	-	663.636.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	663.636.364	-	-	663.636.364
Số dư cuối năm	63.758.206.000	22.404.972.868	21.587.553.492	40.909.091	-	106.464.368.723
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	27.865.606.501	7.756.448.285	11.647.355.669	24.353.924	-	47.293.764.379
Tăng trong năm	2.236.538.602	2.495.845.981	1.209.745.789	8.181.816	-	5.950.312.188
- Số khấu hao trong năm	2.236.538.602	2.495.845.981	1.209.745.789	8.181.816	-	5.950.312.188
Giảm trong năm	-	-	341.451.611	-	-	341.451.611
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	341.451.611	-	-	341.451.611
Số dư cuối năm	30.102.145.103	10.252.294.266	12.515.649.847	32.535.740	-	52.902.624.956
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	32.615.144.499	11.568.434.176	9.276.561.459	16.555.167	-	53.476.695.301
2. Tại ngày cuối năm	33.656.060.897	12.152.678.602	9.071.903.645	8.373.351	-	53.561.743.767

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 24.474.425.906 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.613.673.785 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

5.10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.421.625.132</b>	<b>1.421.625.132</b>	<b>6.253.027.262</b>	<b>6.253.027.262</b>
- Công ty Cổ phần Quốc tế GSL	-	-	773.826.724	773.826.724
- Công ty Cổ phần Bao bì Xuân Cầu	277.253.525	277.253.525	660.745.888	660.745.888
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Tất Đạt	29.808.000	29.808.000	27.600.000	27.600.000
- Công ty TNHH Vận tải Bách Việt	107.678.504	107.678.504	518.752.036	518.752.036
- CN Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sơn Bình Tây	266.243.929	266.243.929	455.062.641	455.062.641
- Công ty TNHH Đức Lâm	30.900.913	30.900.913	393.308.913	393.308.913
- Hengfeng Trade Industry Co., LTD.	709.740.210	709.740.210	2.922.641.919	2.922.641.919
- Phải trả cho các đối tượng khác	51	51	501.089.141	501.089.141
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>5.11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC</b>	<b>31/12/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	-	-	<b>43.205.884</b>	<b>43.205.884</b>
- Chung Hwa Prince Group Corp	-	-	43.205.884	43.205.884
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

**5.12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp và bù trừ trong năm	Cuối năm
<b>Phải nộp</b>	<b>2.801.444.546</b>	<b>8.200.384.942</b>	<b>10.901.650.746</b>	<b>100.178.742</b>
- Thuế GTGT	-	7.513.229.922	7.513.229.922	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.573.443.461	97.250.202	2.573.443.461	97.250.202
- Thuế nhập khẩu	-	47.238.399	47.238.399	-
- Thuế thu nhập cá nhân	136.085	19.433.020	16.640.565	2.928.540
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	227.865.000	498.080.000	725.945.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	25.153.399	25.153.399	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.13 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>65.736.386</b>	<b>48.319.190</b>
- Bảo hiểm xã hội	52.383.683	40.496.734
- Bảo hiểm y tế	9.244.179	7.822.456
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.108.524	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>c) Phải trả khác là các bên liên quan</b>	-	-

**5.14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2022	01/01/2022
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.866.676.367</b>	<b>2.082.566.998</b>
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.866.676.367	2.082.566.998
<b>b) Dài hạn</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.15 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09a - DN****31/12/2022** **Trong năm** **01/01/2022**

a) Vay	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>6.583.652.895</b>	<b>6.583.652.895</b>	<b>36.130.926.884</b>	<b>29.547.273.989</b>	-	-
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>6.583.652.895</b>	<b>6.583.652.895</b>	<b>36.130.926.884</b>	<b>29.547.273.989</b>	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (1)	6.583.652.895	6.583.652.895	36.130.926.884	29.547.273.989	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.583.652.895</b>	<b>6.583.652.895</b>	<b>36.130.926.884</b>	<b>29.547.273.989</b>	-	-

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư DNA vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/3563738/HĐTD ngày 11/03/2022 hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 20 tỷ đồng, bao gồm cả tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 11/03/2023, lãi suất quy định theo từng kế ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2022/3563738/HĐBĐ ngày 11/03/2022 bao gồm 20 máy đúc phun để đúc Plastic nhập khẩu từ Trung Quốc và hợp đồng thế chấp số 02/2022/3563738/HĐBĐ ngày 19/04/2022 là tài sản gắn liền với thửa đất số 32 địa chỉ KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, bao gồm khu văn phòng số 02, nhà nghỉ ca số 2,3, nhà ăn ca, nhà phụ trợ, nhà ăn văn phòng, nhà văn phòng điều hành 1, nhà nghỉ ca số 1 và 6 nhà xưởng sản xuất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**Mẫu số B 09a - DN****5.16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	120.000.000.000	-	-	100.000.000	(18.653.430.010)	101.446.569.990
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	19.173.837.829	19.173.837.829
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	120.000.000.000	-	-	100.000.000	520.407.819	120.620.407.819
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	155.188.961	155.188.961
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	120.000.000.000	-	-	100.000.000	675.596.780	120.775.596.780

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp tại ngày 31/12/2022</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Ông Fu Jianmu	24,63%	29.560.000.000	29.560.000.000
Ông Bùi Việt Vương	21,67%	26.000.000.000	21.000.000.000
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	5,00%	6.000.000.000	6.000.000.000
Ông Hoàng Tùng	5,09%	6.107.000.000	6.107.000.000
Bà Đàm Thị Ái Len	6,00%	7.201.000.000	7.201.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	37,61%	45.132.000.000	50.132.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu năm

120.000.000.000 120.000.000.000

- Vốn góp tăng trong năm

- -

- Vốn góp giảm trong năm

- -

- Vốn góp cuối năm

120.000.000.000 120.000.000.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

- -

**d) Cổ phiếu****31/12/2022****01/01/2022**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

12.000.000

12.000.000

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

12.000.000

12.000.000

- Cổ phiếu phổ thông

12.000.000

12.000.000

- Cổ phiếu ưu đãi

- -

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- Cổ phiếu phổ thông

- -

- Cổ phiếu ưu đãi

- -

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

12.000.000

12.000.000

- Cổ phiếu phổ thông

12.000.000

12.000.000

- Cổ phiếu ưu đãi

- -

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng

10.000 đồng

**e) Các quỹ của doanh nghiệp****31/12/2022****01/01/2022**

- Quỹ đầu tư phát triển

100.000.000

100.000.000

**g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

<b>5.17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
1) Ngoại tệ các loại		
USD	4.495,86	704,15
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.097,76	-
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	154,71	154,71
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	243,39	549,44
<b>Cộng</b>	<b>4.495,86</b>	<b>704,15</b>

## 2) Vật liệu gia công

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có nắm giữ một số hàng nhận gia công của khách hàng nhưng chưa hoàn thành bàn giao là các nguyên vật liệu hạt nhựa sản xuất đồ chơi.

**5.18 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH****6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

<b>6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>102.955.130.039</b>	<b>68.826.576.091</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	46.055.909.455	27.697.018.007
- Doanh thu bán thành phẩm	44.455.134.887	31.931.722.775
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.329.167.697	9.135.410.833
- Doanh thu khác	114.918.000	62.424.476
<b>Cộng</b>	<b>102.955.130.039</b>	<b>68.826.576.091</b>

<b>6.2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Giá vốn của hàng đã bán</b>	<b>95.595.354.208</b>	<b>61.343.643.826</b>
- Giá vốn bán hàng hóa	45.805.452.532	27.684.137.161
- Giá vốn bán thành phẩm	41.635.040.585	30.245.655.734
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.154.861.091	3.413.850.931
<b>Cộng</b>	<b>95.595.354.208</b>	<b>61.343.643.826</b>

<b>6.3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu chuyển nhượng cổ phần	-	21.649.200.000
- Lãi tiền gửi, cho vay	31.539.089	60.450.892
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.854.496	3.864.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	112.087.771	-
<b>Cộng</b>	<b>182.481.356</b>	<b>21.713.514.892</b>

<b>6.4 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền vay	252.639.006	-
- Lỗ bán ngoại tệ đã thực hiện	357.852	16.409.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	334.394.928
- Chi phí tài chính khác	6.610.039	-
<b>Cộng</b>	<b>259.606.897</b>	<b>350.803.928</b>

<b>6.5 . THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	68.724.338	45.054.545
+ Thu khác từ thanh lý TSCĐ	390.909.091	45.054.545
+ Giá trị còn lại, chi phí thanh lý	322.184.753	-
- Thu nhập khác	43.563.736	25.081.775
<b>Cộng</b>	<b>112.288.074</b>	<b>70.136.320</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

**6.6 . CHI PHÍ KHÁC**

- Các khoản phạt chậm nộp
- Các khoản phạt hành chính
- Các khoản chi phí khác

**Cộng**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	101.811.847	17.427.515
	-	3.500.000
	1.268.805	-
	<b>103.080.652</b>	<b>20.927.515</b>

**6.7 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP****a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm**

- Chi phí nhân viên
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí quản lý bằng tiền khác

**b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm**

- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>4.047.387.612</b>	<b>3.684.238.320</b>
	1.421.241.252	1.109.111.919
	440.877.709	920.850.053
	87.900.402	92.654.598
	39.812.414	311.471.770
	2.057.555.835	1.250.149.980
	<b>2.992.030.937</b>	<b>3.371.952.241</b>
	1.671.642.928	976.608.411
	1.320.388.009	2.395.343.830

**6.8 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác
- Cộng**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	31.308.182.362	18.628.557.462
	8.471.812.897	5.353.687.284
	5.950.312.188	4.961.578.082
	1.711.455.342	4.259.571.816
	7.550.175.515	4.427.548.203
	<b>54.991.938.304</b>	<b>37.630.942.847</b>

**6.9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế
  - + Chi phí phạt vi phạm hành chính
  - + Chi phí vi phạm về thủ tục thuế
  - + Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành
  - + Phạt chậm nộp BHXH
  - + Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của khoản mục tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế
  - Lỗi lũy kế
- Tổng thu nhập chịu thuế
- Thuế suất thuế TNDN
- Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 của Quốc hội về giảm thuế TNDN năm 2021
- Thuế TNDN hiện hành
- Lợi nhuận sau thuế TNDN

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	252.439.163	21.838.661.473
	233.811.847	592.322.443
	101.811.847	3.500.000
	-	16.279.522
	132.000.000	237.000.000
	-	1.147.993
	-	334.394.928
	-	-
	-	(3.396.529.314)
	486.251.010	19.034.454.602
	20%	20%
	-	1.142.067.276
	97.250.202	2.664.823.644
	155.188.961	19.173.837.829

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

**6.10 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	155.188.961	19.173.837.829
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	155.188.961	19.173.837.829
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<b>12,93</b>	<b>1.597,82</b>

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****7.1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai****7.2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:****7.3 . Số tiền đi vay thực thu trong năm**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm nay	Năm trước
35.094.709.473	-

**7.4 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Năm nay	Năm trước
29.547.273.989	-

**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay	Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Bán thành phẩm	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
	Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	46.055.909.455	44.455.134.887	12.444.085.697	102.955.130.039
	Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
	Giá vốn	45.805.452.532	41.635.040.585	8.154.861.091	95.595.354.208
	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>250.456.923</b>	<b>2.820.094.302</b>	<b>4.289.224.606</b>	<b>7.359.775.831</b>
	Tổng tài sản				132.495.117.391
	Nợ phải trả				11.719.520.611
	<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>				9.377.171.116
	<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				6.955.572.512
	<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>				-
Năm trước	Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Bán thành phẩm	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
	Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	27.697.018.007	31.931.722.775	9.197.835.309	68.826.576.091
	Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
	Giá vốn	27.684.137.161	30.245.655.734	3.413.850.931	61.343.643.826
	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>12.880.846</b>	<b>1.686.067.041</b>	<b>5.783.984.378</b>	<b>7.482.932.265</b>
	Tổng tài sản				132.297.297.912
	Nợ phải trả				11.676.890.093
	<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>				5.518.965.686
	<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				5.772.753.462
	<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>				-

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B 09 - DN****8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các hoạt động kinh doanh nội địa và xuất khẩu. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty được trình bày như sau:

<b>Năm nay</b>	<b>Chi tiêu</b>	<b>Nội địa</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Tổng cộng</b>
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài		69.198.325.936	33.756.804.103	102.955.130.039
Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-
Giá vốn hàng bán		63.153.036.340	32.442.317.868	95.595.354.208
<b>Lợi nhuận gộp</b>		<b>6.045.289.596</b>	<b>1.314.486.235</b>	<b>7.359.775.831</b>
<b>Năm trước</b>	<b>Chi tiêu</b>	<b>Nội địa</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Tổng cộng</b>
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài		40.213.452.310	28.613.123.781	68.826.576.091
Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-
Giá vốn hàng bán		35.494.067.307	25.849.576.519	61.343.643.826
<b>Lợi nhuận gộp</b>		<b>4.719.385.003</b>	<b>2.763.547.262</b>	<b>7.482.932.265</b>

**8.4 . Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Ngày 31/12/2022</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.149.734.901	-	10.149.734.901
Phải thu khách hàng	33.298.972.151	9.002.700.000	42.301.672.151
Phải thu khác	119.400.000	-	119.400.000
<b>Trừ:</b>	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.568.107.052</b>	<b>9.002.700.000</b>	<b>52.570.807.052</b>
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	6.583.652.895	-	6.583.652.895
Phải trả người bán	1.421.625.132	-	1.421.625.132
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	65.736.386	-	65.736.386
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.071.014.413</b>	-	<b>8.071.014.413</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>35.497.092.639</b>	<b>9.002.700.000</b>	<b>44.499.792.639</b>
<b>Ngày 01/01/2022</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.261.300.250	-	2.261.300.250
Phải thu khách hàng	41.129.506.961	18.002.700.000	59.132.206.961
Phải thu khác	186.001.449	-	186.001.449
<b>Trừ:</b>	<b>(60.890.660)</b>	-	<b>(60.890.660)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(60.890.660)	-	(60.890.660)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.515.918.000</b>	<b>18.002.700.000</b>	<b>61.518.618.000</b>
Phải trả người bán	6.253.027.262	-	6.253.027.262
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	48.319.190	-	48.319.190
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.301.346.452</b>	-	<b>6.301.346.452</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>37.214.571.548</b>	<b>18.002.700.000</b>	<b>55.217.271.548</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.421.072.151	59.318.208.410	42.421.072.151	59.257.317.750
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.149.734.901	2.261.300.250	10.149.734.901	2.261.300.250
<b>Tổng cộng</b>	<b>52.570.807.052</b>	<b>61.579.508.660</b>	<b>52.570.807.052</b>	<b>61.518.618.000</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	6.583.652.895	-	6.583.652.895	-
Phải trả người bán	1.421.625.132	6.253.027.262	1.421.625.132	6.253.027.262
Phải trả khác	65.736.386	48.319.190	65.736.386	48.319.190
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.071.014.413</b>	<b>6.301.346.452</b>	<b>8.071.014.413</b>	<b>6.301.346.452</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**8.5 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan với Công ty:

Họ và tên	Mối quan hệ
Ông Fu Jianmu	Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 17/05/2022)
Bà Đàm Thị Ái Len	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 17/05/2022)
Ông Bùi Việt Vương	Phó chủ tịch HĐQT (Từ ngày 17/05/2022)
Ông Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hằng Hải	Trưởng Ban kiểm soát (Đến ngày 20/04/2022)
Bà Bùi Thị Loan	Trưởng Ban kiểm soát (Từ ngày 26/04/2022)
Bà Đới Thị Diệp	Thành viên (Đến ngày 20/04/2022)
Bà Đỗ Thị Thanh	Thành viên (Từ ngày 20/04/2022)
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên (Từ ngày 20/04/2022)

Ngoài ra, bên liên quan của Công ty còn bao gồm các thành viên có mối quan hệ như vợ, chồng, con, bố, mẹ, anh, chị, em ruột... của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DNA**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

**b) Thù lao chi trả trong năm tài chính cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
Ông Fu Jianmu	Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 17/05/2022)	43.000.000	60.000.000
Bà Đàm Thị Ái Len	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 17/05/2022)	48.000.000	36.000.000
Ông Bùi Việt Vương	Phó chủ tịch HĐQT (Từ ngày 17/05/2022)	409.813.696	444.447.500
Ông Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	180.975.118	194.407.049
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Phó Tổng giám đốc	102.428.618	111.918.619
Bà Nguyễn Thị Hằng Hải	Trưởng Ban kiểm soát (Đến ngày 20/04/2022)	8.000.000	24.000.000
Bà Bùi Thị Loan	Trưởng Ban kiểm soát (Từ ngày 26/04/2022)	20.000.000	12.000.000
Bà Đới Thị Diệp	Thành viên (Đến ngày 20/04/2022)	4.000.000	12.000.000
Bà Đỗ Thị Thanh	Thành viên (Từ ngày 20/04/2022)	52.545.510	-
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên (Từ ngày 20/04/2022)	8.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>912.762.941</b>	<b>930.773.168</b>

**8.6 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư DNA đã được kiểm toán và soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh.

**8.7 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**8.8 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ kế toán Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Hà Nam, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Khuê



Nguyễn Hồng Tuấn



Bùi Việt Vương